

Bản án số: 11/2020/HS-ST  
Ngày 20 - 5 - 2020

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH HƯNG YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Đình Hiền;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông Trần Văn Dũng,

+ Ông Mai Văn Duy.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hải, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hưng Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2020/TLST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

**Nguyễn Văn M**, sinh năm 1989 tại P1, P, Hưng Yên; nơi cư trú: Thôn P2, xã P1, huyện P, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn G (đã chết) và bà Nguyễn Thị C; vợ, con: Chưa có; tiền án: Ngày 18/6/2013 bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hưng Yên xử phạt 02 năm 06 tháng tù về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy và ngày 18/9/2015 bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hưng Yên xử phạt 03 năm 06 tháng tù về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy (ngày 18/5/2018 M chấp hành xong hình phạt tù); tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 12/01/2012 bị Chủ tịch UBND huyện P, tỉnh Hưng Yên áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh 12 tháng và ngày 14/5/2015 bị Công an xã P1, huyện P xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản; bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương trong một vụ án khác (theo lệnh tạm giam của Công an huyện G1, tỉnh Hải Dương) “được trích xuất có mặt tại phiên tòa”.

**- Bị hại:** Anh Hoàng Đình T, sinh năm 1990; trú tại: Thôn T1, xã M1, huyện P, tỉnh Hưng Yên “vắng mặt”.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án:**

Anh Phan Xuân T2, sinh năm 1993; trú tại: Thôn T3, xã N, huyện P, tỉnh Hưng Yên “có mặt”.

**- Người làm chứng:**

+ Bà Đường Thị D, sinh năm 1959; trú tại: Thôn C1, thị trấn T4, huyện P, tỉnh Hưng Yên “vắng mặt”.

+ Anh Phạm Trọng T5, sinh năm 1985; trú tại: Thôn D1, xã M1, huyện P, tỉnh Hưng Yên “vắng mặt”.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 11/12/2019, Nguyễn Văn M đi đến quán nước của bà Đường Thị D ở C1, T4, P thì gặp anh Hoàng Đình T đang ngồi uống nước ở đó. Do M và T có quen biết với nhau từ trước, nên M nhờ T chở M ra hiệu thuốc tây ở P2 mua thuốc. Anh T đồng ý chở M đi mua thuốc, sau khi mua thuốc xong anh T chở M quay về quán nước của bà D. Khi về quán nước, vừa dừng xe thì M bảo T “cho anh mượn xe, anh vào trong chợ một chút anh ra trả ngay”. T đồng ý và đưa cho M mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 89B1- 340.11 của T. Sau đó, M điều khiển xe mô tô mượn của anh T đi vào chợ đầu mối thị trấn T4 để tìm người quen vay tiền nhưng không vay được tiền do không gặp họ. Nên M nảy sinh ý định mang cầm cố chiếc xe mô tô mượn của anh T để lấy tiền chi tiêu. Theo M khai: M điều khiển xe mô tô trên đến quán của anh Phan Xuân T2 ở thôn T3, xã N, huyện P cầm cố xe vay 2.000.000 đồng (không làm thủ tục giấy tờ gì và không có ai chứng kiến) để mua ma túy sử dụng hết. Do không có tiền chuộc xe trả cho anh T nên M trốn tránh anh T. Sau một thời gian chờ đợi anh T không thấy M trả xe, tìm và liên hệ với M đòi xe nhưng không gặp được M. Ngày 27/12/2019 anh T đã có đơn trình báo Công an huyện P xử lý M và yêu cầu M phải trả lại xe hoặc bồi thường tài sản.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 01/2020/KL-HĐ ngày 10/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu trắng, đen, bạc - biển kiểm soát 89B1- 340.11, số khung 1251FY145552, số máy HC12E7145581 trị giá 12.000.000đ, (mười hai triệu đồng).

Đối với anh Phan Xuân T2, cơ quan điều tra đã xác minh anh T2 khai: Bản thân anh T2 hiện sửa xe máy tại cửa hàng của mình ở T3, N, P; ngoài ra anh T2 không quen biết và không có giao dịch mua bán, cầm cố tài sản gì đối với M. Kết quả điều tra và đối chất: Cả M và anh T2 đều giữ nguyên lời khai của mình, ngoài ra không còn chứng cứ nào khác. Do vậy, chưa có đủ căn cứ chứng minh anh Phan Xuân T2 đã cầm có chiếc xe mô tô trên nên không có căn cứ xử lý.

Việc Nguyễn Văn M khai đã dùng số tiền 2.000.000 đồng cầm cố xe mô tô của anh T để mua ma túy sử dụng một mình, nhưng không nhớ thời gian và địa điểm cụ thể, ngoài ra không có chứng cứ nào chứng minh, nên không đủ căn cứ xử lý.

Về vật chứng: Chiếc xe mô tô Honda Vave, biển kiểm soát 89B1- 340.11, cơ quan điều tra đã xác minh và thông báo truy tìm phương tiện giao thông nhưng đến nay không thu giữ được.

Tại Cáo trạng số: 07/CT-VKSPC ngày 24 tháng 3 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Hưng Yên truy tố Nguyễn Văn M về Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, theo điểm g khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố hành vi phạm tội của bị cáo M theo nội dung bản cáo trạng; đồng thời đề nghị áp dụng: Điểm g khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù; buộc bị cáo M phải bồi thường cho anh T giá trị chiếc xe mô tô đã chiếm đoạt là 12.000.000 đồng và bị cáo M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Nguyễn Văn M nhận tội, thành khẩn khai diễn biến hành vi phạm tội bị cáo thực hiện phù hợp với hành vi của bị cáo M đã bị Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Hưng Yên truy tố trong cáo trạng. Đến nay bị cáo đã thấy rõ sai phạm, đề nghị được giảm nhẹ hình phạt để cải tạo tốt, sớm được trở về với gia đình, xã hội và nhất trí bồi thường giá trị chiếc xe mô tô đã chiếm đoạt của anh T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và tài liệu chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2]. Lời nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn M tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại trước cơ quan điều tra; phù hợp đơn trình bày, lời khai của bị hại Hoàng Đình T và lời khai của người làm chứng bà Đường Thị D, anh Phạm Trọng T5; kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng hơn 12 giờ ngày 11/12/2019 tại thôn C1, thị trấn T4, huyện P, tỉnh Hưng Yên; bị cáo Nguyễn Văn M đã lợi dụng sự tin tưởng của anh Hoàng Đình T cho M mượn chiếc xe mô tô Honda Wave, biển kiểm soát 89B1-340.11 trị giá 12.000.000 đồng của anh T để sử dụng. Sau đó do không có tiền chi tiêu cho cá nhân nên M đã mang cầm cố chiếc xe mô tô trên của anh T để lấy 2.000.000 đồng (theo M tự

khai nhận) chi tiêu cho bản thân. Do không có xe, tiền để trả lại xe hoặc bồi thường giá trị chiếc xe của anh T nên M đã trốn tránh không gặp anh T; anh T đã đến nhà tìm và liên lạc với M để đòi lại tài sản nhưng không liên lạc được, đến ngày 14/02/2020 (sau khi bị Công an huyện P khởi tố bị can M và cấm khỏi nơi cư trú) thì M lại tiếp tục có hành vi phạm tội quả tang về tàng trữ trái phép chất ma túy và bị Công an huyện G1 khởi tố bị can, bắt M tạm giam để phục vụ hoạt động điều tra về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn M được phân tích, đánh giá đã có đủ dấu hiệu cấu thành Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại Điều 175 của Bộ luật hình sự. Do bị cáo M phạm tội đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, nên M phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự định khung hình phạt là “Tái phạm nguy hiểm”. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo Nguyễn Văn M về Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, theo điểm g khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan sai.

[3]. Xét hành vi của bị cáo Nguyễn Văn M đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời còn gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Bản thân bị cáo là người đã hai lần phạm tội đều bị kết án phạt tù, tuy bị cáo đã chấp hành xong hình phạt chưa được xóa án tích lại tiếp tục thực hiện tội phạm do cố ý. Mặc dù đang bị Công an huyện P khởi tố điều tra về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú nhưng bị cáo không thực hiện nghiêm túc lại đi đến địa bàn huyện G1, tỉnh Hải Dương tiếp tục phạm tội về ma túy, điều đó càng thể hiện sự coi thường pháp luật của bị cáo. Do vậy, cần phải xét xử nghiêm minh, áp dụng cho bị cáo mức hình phạt thỏa đáng và cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian cần thiết để trừng trị, cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo và làm bài học răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

[4]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo M tái phạm nguy hiểm đã phải chịu tình tiết tăng nặng định khung hình phạt, nên không có tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo M đều khai báo thành khẩn, nên được hưởng tình tiết trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

[6]. Hình phạt bổ sung: Bị cáo M là người nghiện ma túy, không có tài sản và còn phải chịu trách nhiệm bồi thường dân sự nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng phạt tiền.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Anh Hoàng Đình T bị Nguyễn Văn M chiếm đoạt tài sản là 01 chiếc xe mô tô Honda Wave, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P định giá bằng 12.000.000 đồng. Xét đây là tài sản hợp pháp của anh T bị M chiếm đoạt, tài sản không thu hồi được nên anh T yêu cầu bồi thường là có căn cứ và buộc bị cáo M phải bồi thường cho anh T giá trị tài

sản đã chiếm đoạt theo quy định tại Điều 589 Bộ luật Dân sự, nếu chậm bồi thường sẽ phải chịu tiền lãi theo quy định tại các điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự.

[8]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn M là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Văn M phạm Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

**Áp dụng:** Điểm g khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các điều 589, 357, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**Xử phạt** bị cáo Nguyễn Văn M 03 (ba) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt của bản án này.

Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng phạt tiền đối với bị cáo.

**Về trách nhiệm dân sự:** Buộc bị cáo Nguyễn Văn M phải bồi thường cho anh Hoàng Đình T, sinh năm 1990; trú tại: Thôn T1, xã M1, huyện P, tỉnh Hưng Yên giá trị chiếc xe mô tô Honda Wave, biển số 89B1- 340.11 là 12.000.000đ, (mười hai triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án dân sự có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp, người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền bồi thường thì phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**Về án phí:** Bị cáo Nguyễn Văn M phải chịu 200.000đ, (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 600.000đ, (sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án sơ thẩm xét xử công khai có mặt bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đã báo cho các người trên biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; báo cho bị hại Hoàng Đình T vắng mặt biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhân:**

- Bị cáo M;
- Bị hại: Anh T;
- NCQL&NVQL: Anh T2;
- TAND tỉnh Hưng Yên (qua phòng KTNV);
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện P;
- Công an huyện P;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện P;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Vp Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Đình Hiền**